

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2017/HC-PT
Ngày: 18-10-2017
V/v khởi kiện Quyết định hành chính về
giải quyết tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 215/2016/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2016 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 17/2016/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2017/QĐPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1931;

1.2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1935;

Cùng địa chỉ: tổ 4, ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: tổ 4, ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Trần Đức H** - Công ty Luật TNHH V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt). Đại diện của người khởi kiện đồng ý xét xử vắng mặt luật sư.

2. *Người bị kiện:*

2.1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CT.UBND huyện: Ông Trần Ngọc H – Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Đ (có mặt).

2.2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CT.UBND tỉnh: Ông **Phạm Văn M** – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và – Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Dương Văn K1**, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị N** (là người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Diện tích 3.793,3 m² đất mà ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N khiếu nại thuộc các thửa 169, 173, 180, tờ bản đồ số 101 thị trấn Đ (được đo đạc năm 2005) do ông Dương Văn K1 đang sử dụng, nguồn gốc đất do ông K1 được nhận thừa kế từ ông bà, sau đó ông K1 cùng gia đình cất nhà ở và canh tác trên đất.

Ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N đã khiếu nại từ năm 1992, yêu cầu ông Dương Văn K1 trả lại đất. Ngày 04/6/2012, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1232/QĐ-UBND với nội dung: Bác đơn yêu cầu của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N đòi lại diện tích 3.793,3 m² thuộc các thửa 169, 173, 180, tờ bản đồ số 101 đo đạc năm 2005 tại thị trấn Đất Đỏ đối với ông Dương Văn K1, vì ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N không có giấy tờ pháp lý để chứng minh chủ sử dụng đất, cũng như quá trình sử dụng đất trên không ổn định liên tục.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N làm đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh Bà Rịa.

Ngày 13/4/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 802/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Quyết định 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 18/11/2015, ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đ yêu cầu hủy Quyết định 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Ngày 21/3/2016, ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định 802/QĐ-UBND ngày 13/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 01/2016/QĐ-CVA về việc chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết theo thẩm quyền.

Theo đơn khởi kiện, cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay, đại diện người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Quyết định số 1232/2012/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 802/2013/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không xem xét đầy đủ, khách quan về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của ông L, bà N; không xem xét giấy của những người làm chứng và kết quả giám định chữ ký là không khách quan. Căn cứ vào Giấy bán đất và đợ đất năm 1963, Giấy xác nhận đất ngày 18/10/1977, Biên bản hòa giải ngày 19/8/1992, Biên bản giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 05/7/2006, đủ căn cứ chứng minh việc ông Dương Văn K1 chuyển nhượng cho ông L, bà N diện tích đất 3793,3 m² là có thật.

Quyết định 1232/2012/QĐ-UBND căn cứ vào Kết luận giám định số 1021 ngày 10/4/2012 để giải quyết khiếu nại là không khách quan, do tài liệu cần giám định là chữ ký của ông K1 trên “Giấy bán đất và đợ đất” năm 1963, “Giấy xác nhận đất” ngày 18/10/1977, với mẫu chữ ký của ông K1 từ năm 1992, khoảng cách của hai chữ ký quá xa. Ngoài ra, tại buổi làm việc trước, đại diện Chủ tịch UBND huyện Đ cũng thừa nhận Kết luận giám định số 1021 ngày 10/4/2012 chỉ mang tính chất tham khảo, do đó không thể lấy đó làm căn cứ để bác yêu cầu khiếu nại của ông L, bà N.

Quyết định 1232/2012/QĐ-UBND cho rằng từ năm 1977-1992, ông L, bà N không trực tiếp canh tác trên đất là không khách quan và đúng thực tế. Vì từ năm 1975 ông L, bà N chuyển về Xuyên Mộc sinh sống, có nhờ chị gái là bà Nguyễn Thị L1 trông coi. Trong quá trình bà L1 quản lý đất thì ông K1 liên tục đến gây khó dễ, điều này phù hợp với lời khai của ông Trần Văn N1. Đến năm

1980, ông K1 đuổi bà L1 đi. Ban Nông hội đã cấp cho bà L1 một mảnh đất khác để ở. Năm 1977, ông K1 đi cùng ông Trần Văn P lên nhà ông L, bà N mượn đất, việc mượn này không lập thành văn bản, từ năm 1983 đến năm 1991, ông L, bà N đòi lại đất nhưng ông K1 hứa trả lần này sang lần khác, đến năm 1992 ông L, bà N mới làm đơn khiếu nại gửi lên UBND xã.

Do vậy, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo văn bản nêu ý kiến cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay, đại diện của CT. UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đại diện của CT.UBND huyện Đ cùng trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 802/QĐ-UBND ngày 13/4/2013 giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N yêu cầu đòi lại đất là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Luật khiếu nại 2011 và Luật đất đai 2003.

Về nội dung: Khu đất tranh chấp giữa ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N với ông Dương Văn K1 có diện tích 3.793,3 m² là một phần trong tổng diện tích 7.395 m² (thuộc thửa 100, tờ bản đồ số 38 đo vẽ năm 1999 tại thị trấn Đất Đỏ) có nguồn gốc là đất do ông Dương Văn K1 nhận thừa kế từ ông bà, sau đó ông cùng gia đình cất nhà ở và canh tác trên đất. khoảng năm 1947, ông K1 cho gia đình ông L, bà N ở nhờ trên một phần đất giáp đường nhựa (phần đất tranh chấp trên), phần còn lại gia đình vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 1968, do điều kiện gia đình nên ông L, bà N chuyển về sống tại khu Bến Đình (thuộc phường Thắng Nhì, đặc khu Côn Đảo – Vũng Tàu) không còn sử dụng phần đất trên nữa. gia đình ông K1, cụ thể là bà Trần Thị C cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 7.395 m² trên. Năm 1999, bà C đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.395 m² thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 38 đo đạc năm 1999 (do bà C đứng tên tại Sổ mục kê xã Phước Long Thọ). Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông Dương Văn K1 đã sử dụng liên tục, ổn định và có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế Nhà nước.

Việc ông L, bà N cho rằng đã mua 3.793,3 m² đất của gia đình ông K1 theo “Đơn bán đất và đợ đất” năm 1963 và “Giấy xác nhận đất” năm 1977 là không có cơ sở, vì:

Việc tranh chấp giữa ông K1 với ông L, bà N đã được UBND thị trấn Đ (trước đây là UBND xã P) hòa giải, giải quyết nhiều lần nhưng cả hai bên đều không đồng ý với nội dung của Hội đồng hòa giải. Ngày 14/02/2012, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 201/QĐ-UBND về việc trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Dương Văn K1 với vợ chồng ông L, bà N. Ngày 10/4/2012, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Công văn số 1021/GĐ về kết luận giám định chữ viết, chữ ký của ông Dương Văn K1

tại giấy tay mua bán đất giữa ông K1 với vợ chồng ông L, bà N vào năm 1963, 1977 so sánh với các giấy tờ liên quan là không phải do cùng một người viết ra.

Do vậy, căn cứ vào Luật đất đai 2003, Nghị định 181/NĐ-CP, Nghị định số 84/NĐ-CP nên Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quyết định số 1232/2012/QĐ-UBND và quyết định số 802/2013/QĐ-UBND bác toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N là có cơ sở nên giữ nguyên các quyết định này.

Ông L, bà N khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại trong việc đòi lại diện tích 3.793,3 m² đất là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Dương Văn K1 chưa từng viết “Giấy bán đất và đợ đất” năm 1963 và “Giấy xác nhận đất” ngày 18/10/1977. Chữ ký trong hai giấy do ông Trần Văn L cung cấp không phải là chữ ký của ông K1. Nội dung của Biên bản hòa giải ngày 19/8/1992 ông K1 không đồng ý nên đã không ký tên vào biên bản. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 17/2016/HC-ST ngày 16/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy Quyết định số:1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số: 802/QĐ-UBND ngày 13/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết đơn của ông L, bà N đòi ông Dương Văn K1 trả lại diện tích 3.793,3 m² đất tại các thửa số 169, 173, 180, tờ bản đồ số 101 đo đạc năm 2005 tại thị trấn Đ do gia đình ông Dương Văn K1 đang sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2017, người khởi kiện ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, trong đơn kháng cáo ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được giám định lại chữ ký, chữ viết của ông Dương Văn K1 tại “Đơn bán đất và đợ đất” vào năm 1963

và “Giấy xác nhận đất” ngày 18/10/1977 là không khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích của ông bà; Tại các phiên tòa phúc thẩm ngày 31/3/2017 và 15/8/2017, người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà N xin hoãn phiên tòa để có thời gian thu thập tài liệu có chữ ký, chữ viết của ông K1 để trưng cầu giám định lại, Hội đồng xét xử đã chấp nhận cho hoãn phiên tòa và ấn định thời hạn cho đại diện người khởi kiện cung cấp tài liệu mẫu để Tòa án trưng cầu giám định, nhưng hết thời hạn đã lâu mà đại diện của người khởi kiện không cung cấp được tài liệu mẫu nên không có căn cứ để trưng cầu giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Nguồn gốc diện tích 3.793,3 m² đất (thuộc các thửa 169, 173, 180 tờ bản đồ số 101 thị trấn Đ, đo đạc năm 2005) mà ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N tranh chấp đòi ông Dương Văn K1 trả lại là một phần trong tổng diện tích 7.395 m² đất (thuộc thửa 100 tờ bản đồ số 38 thị trấn Đ, đo vẽ năm 1999) do ông K1 nhận thừa kế từ ông bà để lại, ông K1 và gia đình cất nhà ở và canh tác. Khoảng năm 1954 – 1955, ông K1 cho gia đình ông L, bà N vào ở trên một phần đất (đang có tranh chấp), phần còn lại gia đình ông K1 sử dụng. Đến năm 1968, ông L, bà N chuyển về sinh sống tại khu Bến Đình, phần đất ông L, bà N để cho chị gái là bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục ở, đến năm 1980 bà Nguyễn Thị Lý được chính quyền địa phương giao đất ở mới và bà đã chuyển đi, phần đất được gia đình ông K1 quản lý, trực tiếp sử dụng đến nay. Ông L, bà N trình bày, diện tích 3.793,3 m² đất nêu trên ông bà mua của ông K1 có lập “Đơn bán đất và đợ đất” ngày 19 âl – đl 1963 và ông K1 có làm “Giấy xác nhận đất” ngày 18/10/1977, khoảng năm 1968 ông bà giao cho người chị gái là Nguyễn Thị L1 quản lý sử dụng; Người đại diện của ông L, bà N trình bày, năm 1980 ông K1 đi cùng với ông P (nay đã chết) đến hỏi ông L, bà N mượn lại đất sử dụng, ông bà đồng ý nên ông K1 mới đuổi bà Nguyễn Thị L1 đi. Còn ông K1 trình bày, ông không có bán đất mà chỉ cho ông L, bà N ở nhờ, khi nào không ở nữa thì trả lại, ông không có làm “Đơn bán đất và đợ đất” cũng không có viết giấy xác nhận như ông L, bà N trình bày. Năm 1992, hai bên xảy ra tranh chấp, được UBND xã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mãi đến năm 2007 ông L khởi kiện “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất” thì đã hết thời hiệu, năm 2008 ông khởi kiện “tranh chấp quyền sử dụng đất” thì Tòa án nhân dân huyện Đ trả lại đơn khởi kiện vì không thuộc thẩm quyền. Ngày 31/7/2008, ông L, bà N gửi đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông K1 tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, vụ việc được giải quyết theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Không đồng ý nên ông L, bà N khởi kiện vụ án hành chính đối với 2 quyết định giải quyết nêu trên.

[3] Xét, ông L, bà N tranh chấp quyền sử dụng đất với ông K1 có cung cấp 2 giấy tay “Đơn bán đất và đợ đất” ngày 19 âl - đl 1963 và “Giấy xác nhận đất” ngày 18/10/1977 nhưng không có chứng thực của cấp có thẩm quyền, cũng không được ông K1 thừa nhận; theo Kết luận giám định số 1021/GĐ(PC54) ngày 10/4/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì chữ ký trong 2 giấy trên không phải là chữ ký, chữ viết của ông K1; Ông L,

bà N có đưa ra một số người làm chứng, nhưng những người này cũng chỉ trình bày là biết ông L, bà N có ở trên đất, không ai xác nhận biết được việc mua bán đất giữa 2 bên, nên không có căn cứ pháp lý để công nhận tính hợp pháp của 2 giấy mà ông L, bà N cung cấp. Về diễn biến sử dụng đất, ông L, bà N có sử dụng đất tranh chấp từ khoảng năm 1955 đến năm 1968, từ 1969 thì ông bà giao cho chị gái là bà Nguyễn Thị L1 sử dụng đến năm 1980 thì không sử dụng nữa, quá trình sử dụng hoàn toàn không có kê khai, đăng ký. Từ năm 1980, gia đình ông K1 trực tiếp quản lý sử dụng, đến năm 1995 bà Trần Thị C (vợ ông K1) kê khai đăng ký và đóng thuế sử dụng đất đến nay. Như vậy, về mặt thực tế thì ông L, bà N không sử dụng đất ổn định và liên tục, cũng không có căn cứ chứng minh là ông bà đã cho ông K1 mượn từ những năm 1980. Theo quy định của pháp luật về đất đai thì ông L, bà N không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp, yêu cầu đòi đất của ông L, bà N không có căn cứ pháp luật, còn gia đình ông K1 thì sử dụng liên tục từ năm 1980 đến nay, kê khai đóng thuế theo quy định, nên Quyết định giải quyết về tranh chấp đất số 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác đơn khiếu nại đòi đất của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N là đúng đắn.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N là đúng pháp luật. Ông L, bà N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N về yêu cầu hủy Quyết định số: 1232/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số: 802/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết đơn của ông L, bà N đòi ông Dương Văn K1 trả lại diện tích 3.793,3m² đất tại các thửa số 169, 173 và 180, tờ bản đồ số 101 thị trấn Đ (đo đạc năm 2005) do gia đình ông Dương Văn K1 đang sử dụng.

2. Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000103 ngày 16/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ sang thi hành án phí.

* Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000680 ngày 08/11/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sang thi hành án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT(1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(2);
- Người liên quan(1);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý